

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2021

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Ngọc Dung.

2. Ông Nguyễn Thanh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1986. (xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp Đường Kéo, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh D2, sinh năm 1980. (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Đường Kéo, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D1 trình bày:**

- Về hôn nhân: Vào năm 2003 chị D1 và anh D2 tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị D1 yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh D2.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Đình D3 – sinh năm 2004, khi ly hôn theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – anh Lê Thanh D2 trình bày:*

Anh D2 và chị D1 không có tìm hiểu nhau, mà do gia đình hai bên thống nhất cưới gả thì anh chị đồng ý và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào 2002, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định.

Sau khi đám cưới, anh D2 và chị D1 sinh sống với nhau ở ấp Đường Kéo, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển. Trong quá trình chung sống, thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, trong thời gian gần đây khoảng hơn 01 năm nay thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ anh đã bỏ nhà đi được hơn 09 tháng và đã ly thân cho đến nay; Nay chị D1 yêu cầu ly hôn thì anh D2 đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống thì anh D2 và chị D1 có với nhau được 01 người con chung tên Lê Đình D3 – sinh năm 2004, khi ly hôn theo nguyện vọng của con thì anh D2 yêu cầu được nuôi cháu D3, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D1 yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Lê Thanh D2 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị D1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Thanh D2 được triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị D1 và anh Lê Thanh D2.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2002 chị D1 và anh D2 tiến đến hôn nhân, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của chị D1 và anh D2, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, cả hai đều đồng ý ly hôn. Do chị D1 và anh D2 sống chung với nhau mà không đăng ký kết theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D1 và anh Lê Thanh D2 không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[1.2] Về con chung: Có 01 người con tên Lê Đình D3 – sinh năm 2004; Khi ly hôn chị D1 và anh D2 thống nhất con có nguyện theo ai thì người nuôi, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Lê Đình D3 có nguyện vọng sống với cha là Lê Thanh D2. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D3 cho anh D2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D1 không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh D2.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[1.3] Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị D1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D1 và anh Lê Thanh D2.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đình D3 – sinh năm 2004 cho anh Lê Thanh D2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D1 không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh D2.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng, chị D1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006405 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được khấu trừ, chị D1 phải nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tuấn